

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày: 01-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Thanh Liên**;

Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Ông Trần Công Nho.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông **Phan Văn Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Văn B, sinh ngày 11/3/1993 tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê T và bà Bùi Thị C; có vợ là bà Phan Thị N và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019 (*đã chết*); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn B: ông Ngô Thanh T, Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

- Bị hại: ông Phan Song N, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1989; trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Lê Viết H, sinh năm 1987; trú tại: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; trú tại: Khối M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Vũ Gia T, sinh năm 1993; trú tại: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn D, sinh năm 1981; trú tại: Khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị N, sinh năm 1990; trú tại: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1993; trú tại: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1989; trú tại: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 18/9/2021, Lê Văn B, Đoàn Văn L và T (*không rõ lai lịch*) nhập tại nhà của B. Một lúc sau, T đi về nhà của mình, chỉ còn lại B, L tiếp tục ngồi nhậu. Trong lúc ngồi nhậu, L nói với B: *“bà L bán quán cafe nói thằng B1 lái xe đường dài đến ở khu trọ gần quán cơm bà T, nó tán con N, con L không được, quay qua tán con H”*. Trong đó, chị N là vợ của B, chị L và chị H là hai chị em ruột, đồng thời là chị con bác ruột của B (*chị H là vợ của L nhưng đã ly hôn*). Sau đó, L rủ B đi tìm B1 để đánh, B hỏi L: *“anh biết mặt nó không”*, L trả lời: *“biết mặt B1”*, nghe vậy B đồng ý cùng với L đi tìm B1 để đánh. L điều khiển xe mô tô BKS 92N1-231.xx (*xe của mẹ ruột L*) chở B đi đến các khu vực mà xe ô tô hay đỗ tại thôn M, xã T, huyện N để tìm B1 nhưng không gặp. L tiếp tục chở B đến quán cơm của bà Nguyễn Thị T để tìm đánh B1. Tại quán cơm bà Thanh có một phòng cho các anh Vũ Gia T, Phan Song N, Nguyễn D thuê để ở, làm công nhân thi công công trình tại đây. Vào khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, L, B nhìn thấy phòng các anh N, T, D có điện sáng nên đi đến tìm B1; lúc này, anh N đang nằm trên võng phía trước phòng trọ chơi game trên điện thoại, anh T, anh D ngồi trong phòng để chơi game qua điện thoại. Khi đến gần anh N thì B hỏi: *“mày ở đâu”*, do anh N đang chơi game không nghe câu hỏi của B nên không trả lời; khi anh N nhìn thấy L, B thì có hỏi: *“hai anh tìm ai”* nhưng

L, B không trả lời. L đi đến phía trước cửa phòng trọ nhìn vào bên trong (*để tìm anh B1 nhưng không thấy*); B nghĩ anh N khinh mình không trả lời nên nhặt một thanh gỗ (*kích thước: 80cm x 08cm x 03cm*) tại lối đi này rồi đi lại phía anh N. Lúc này, anh N đứng dậy đi vào bên trong dãy trọ, vừa đi vừa chơi game trên điện thoại di động thì B cầm thanh gỗ ở hai tay đưa lên cao, đánh mạnh một cái từ trên xuống trúng vào phần đầu bên trái của anh N, làm cho anh N ngã úp mặt xuống nền xi măng, thanh gỗ bị gãy một đoạn. Anh T, anh D đang chơi game trong phòng nghe tiếng động nên chạy ra thì thấy anh N đang ngồi bệt dưới nền xi măng; B đang cầm thanh gỗ trên tay, đồng thời dùng chân đá về phía anh N nhưng không rõ có trúng hay không. Anh T hỏi: “*sao đánh thẳng em, nó có làm gì sai không mà đánh nó*”. T, L đi lại chỗ anh N, L sờ đầu anh N thì thấy sưng nề nên L có can ngăn và lôi B đi, bỏ lại thanh gỗ tại hiện trường. Anh N được anh T đưa đến bệnh viện cấp cứu, đến ngày 22/9/2021 thì xuất viện.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng, gồm:

- 01 thanh gỗ có chiều dài 60cm, chiều rộng 08cm, dày 03cm, một đầu nhám nhỡ (*dạng bị gãy tước dọc*);
- 01 thanh gỗ có chiều dài 25cm, chiều rộng 08cm, dày 03cm, một đầu nhám nhỡ (*dạng bị gãy tước dọc*);

Tại bản kết luận giám định thương tích số 376/GĐTT.21 ngày 01/10/2021 và Công văn số: 186/GĐPY ngày 29/10/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận Phan Song N bị thương tích 19%. Trong đó:

+ Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc được, còn đau đầu vùng đỉnh - thái dương trái và chóng mặt. Tay, chân vận động gấp, duỗi và đi lại được bình thường. Kiểm tra ông tai ngoài bên trái khô sạch thông thoáng, không thấy máu khô đọng. Tổn thương này do vật tày không có cạnh tác động gây nên, lực tác động mạnh. Hướng từ trên xuống dưới, chệch từ trái sang phải. Tỷ lệ thương tích 16%.

+ Vùng trán bên trái có vết rách da đã lành sẹo dài 4,5cm, rộng nhất 0,5cm. Vết thương do vật tày có diện không bằng phẳng tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau, chệch từ trên xuống dưới. Bệnh nhân nhắm mắt, mở mắt được bình thường. Tỷ lệ thương tích 01%.

+ Trước trong gò phải có vết xát da đã lành sẹo dài 1,2cm, rộng 0,3cm. Vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải. Tỷ lệ thương tích 01%.

+ Trước dưới gò phải có vết xát da đã lành sẹo dài 01cm, rộng 0,3cm. Vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ thương tích 01%.

+ Trước trong gò trái có vết xát da đã lành có chỗ còn đóng vảy hình gần tròn, đường kính 1,2cm. Vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải. Tỷ lệ thương tích 01%.

Vùng đầu là vùng nguy hiểm, liên quan tương ứng giải phẫu bên trong hộp sọ là tổ chức não. Trường hợp này có chấn thương sọ não gây nứt sọ trán

thái dương đỉnh trái, tụ máu dưới màng cứng thái dương đỉnh phải, xuất huyết dưới nhện đã được cấp cứu điều trị nội khoa tạm ổn định, nếu không được cấp cứu điều trị kịp thời cũng chưa gây nguy hiểm đến tính mạng (*thời gian điều trị ngắn và ngày 30/9/2021 chụp CT Scanner sọ não tại Bệnh viện đa khoa M, Tam Kỳ, kết quả: Nứt xương hộp sọ vùng trán đỉnh thái dương trái. Hiện tại không thấy máu tụ nội sọ*).

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSQN-P2 ngày 15/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” và căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Lê Văn B từ 08 năm đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: đề nghị giải quyết theo như Cáo trạng đã đề cập.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn B trình bày ý kiến tranh luận: hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, do bị cáo không có ý thức cố ý tước đoạt tính mạng của bị hại hay bỏ mặc cho hậu quả chết người xảy ra. Đồng thời, kết luận giám định pháp y cũng đã xác định dù không cứu chữa kịp thời cũng không ảnh hưởng đến tính mạng. Ngoài những điều luật mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo B thống nhất với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại Phan Song N, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Viết H vắng mặt và những người làm chứng: bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Gia T, ông Nguyễn D vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: xét thấy, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và

tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn B khai nhận: do nghi ngờ người có tên là B1 (*không rõ lai lịch*) tán tỉnh các chị: Phan Thị N, Lê Thị L và Lê Thị H (*chị N là vợ của bị cáo Lê Văn B, chị H là vợ của Đoàn Văn L nhưng đã ly hôn*) nên Đoàn Văn L rủ bị cáo Lê Văn B đi tìm người tên B1 để đánh. Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 18/9/2021, khi L và bị cáo B đến tại khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị T (*thuộc thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam*) thì bị cáo B có gặp và hỏi anh Phan Song N (*là người thuê ở trọ*) nhưng anh N đang chơi game nên không trả lời. Bị cáo B cho rằng anh N khinh mình nên bị cáo dùng một thanh gỗ (*kích thước: 80cm x 08cm x 03cm*) đánh mạnh vào đầu anh N gây thương tích, theo như kết luận giám định tỷ lệ thương tích của anh N là 19%.

[4] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng bị cáo đã vô cớ dùng thanh gỗ (*kích thước: 80cm x 08cm x 03cm, là hung khí nguy hiểm*) đánh vào đầu (*là vùng trọng yếu trên cơ thể*) của bị hại dẫn đến chấn thương sọ não gây nứt sọ trán thái dương đỉnh trái, tụ máu dưới màng cứng thái dương đỉnh phải, xuất huyết dưới nhện. Hành vi của bị cáo như đã nêu ở trên hoàn toàn có thể dẫn đến hậu quả chết người, tuy không mong muốn nhưng bị cáo vẫn để mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Giết người”, với tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo dùng thanh gỗ (*là hung khí nguy hiểm*) đánh vào vùng đầu (*là vùng trọng yếu trên cơ thể*) của bị hại có thể dẫn đến hậu quả chết người; mặc dù, hậu quả chết người chưa xảy ra, nhưng bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm đến tính mạng của người khác, thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng bị cáo vẫn để mặc cho hậu quả xảy ra. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Giết người” như Cáo trạng đã truy tố.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy: quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của công dân là những quyền cơ bản được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Do đó, bất kỳ người nào có hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Bị cáo Lê Văn B có đầy đủ khả năng để nhận thức được điều đó nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, dùng thanh gỗ đánh vào đầu bị hại, gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe

của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi 02 con nhỏ; bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt.

[7] Xét thấy, bị cáo Lê Văn B có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo theo như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa dẫn đến hậu quả chết người nên thuộc trường hợp “phạm tội chưa đạt”; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để đảm bảo cho bị cáo có điều kiện được cải tạo, giáo dục thành người có ích cho xã hội theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 30.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với xe mô tô BKS 92N1- 231.xx do bà Nguyễn Thị H (*mẹ của Đoàn Văn L*) làm chủ sở hữu: xét thấy, Đoàn Văn L tự ý lấy xe của bà H chở bị cáo B đi tìm người để đánh, bà H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho bà H là phù hợp.

[10.2] Đối với 01 (*một*) thanh gỗ có chiều dài 60cm, chiều rộng 08cm, dày 03cm, một đầu nham nhở (*dạng bị gãy tước dọc*) và 01 (*một*) thanh gỗ có chiều dài 25cm, chiều rộng 08cm, dày 03cm, một đầu nham nhở (*dạng bị gãy tước*

dọc) là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng không có giá trị nên cần phải tịch thu, tiêu hủy.

[11] Các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

[11.1] Đối với hành vi của Đoàn Văn L: L là người rủ rê, khởi xướng và chở B đi tìm người tên B1 để đánh nhưng không gặp B1. L không trao đổi, không chuẩn bị trước hung khí và không trực tiếp tham gia cùng bị cáo B đánh anh N; mặt khác, sau khi thấy bị cáo B đánh anh N thì L có can ngăn, không cho bị cáo B đánh anh N. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với Đoàn Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11.2] Đối với hành vi của Đoàn Văn L và bị cáo Lê Văn B lấy nhảm chiếc xe mô tô BKS 92N1-207.xx của ông Lê Viết H: xe của ông H và xe của L để gần nhau, xe ông H có sẵn chìa khóa cắm trong ổ khóa xe nên bị cáo B và L đã lấy nhảm xe, sau khi phát hiện nhảm lẫn đã đến trả lại xe cho ông H. L và bị cáo B không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe mô tô này; sau khi nhận lại xe, ông H không có yêu cầu gì. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đoàn Văn L, Lê Văn B về hành vi lấy nhảm xe mô tô này là phù hợp.

[12] Về án phí: bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn B** phạm tội “*Giết người*”.

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt bị cáo Lê Văn B **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 15/11/2021.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (*một*) thanh gỗ có chiều dài 60cm, chiều rộng 08cm, dày 03cm, một đầu nham nhỡ (*dạng bị gãy tước dọc*) và 01 (*một*) thanh gỗ có chiều dài 25cm, chiều rộng 08cm, dày 03cm, một đầu nham nhỡ (*dạng bị gãy tước dọc*)

(*Các vật chứng này hiện nay đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/3/2022*);

- Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, N vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/6/2022). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo